

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Tin

Thang Điểm

30

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
1	1104	Trần Nguyễn Khánh	Ninh	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	29,000	1	HCV
2	1090	Nguyễn Đình	Khải	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	28,000	2	HCV
3	1078	Phạm Hoàng Nhật	Anh	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	22,500	3	HCV
4	1124	Nguyễn Thanh	Tùng	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	21,000	4	HCV
5	2367	Phan Minh	Hoàng	PT Năng Khiếu	TP.HCM	21,000	4	HCV
6	1127	Lê Hoàng	Vũ	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	19,000	6	HCV
7	2402	Hoàng Văn	Thiên	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	19,000	6	HCV
8	1089	Lê Ngọc	Huy	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	19,000	6	HCV
9	2365	Trịnh Hữu	Đức	PT Năng Khiếu	TP.HCM	18,500	9	HCV
10	1097	Phạm Việt	Nga	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	18,500	9	HCV
11	2394	Nguyễn Diệp Xuân	Quang	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	17,500	11	HCV
12	1080	Trần Thị Tuyết	Chung	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	17,500	11	HCV
13	2406	Hồ Quốc	Trung	Chuyên Bình Long	Bình Phước	17,500	11	HCV
14	1122	Trần Anh	Tuấn	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	17,000	14	HCV
15	1128	Lê Huỳnh Long	Vũ	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	17,000	14	HCV
16	2354	Lý Thiên	Ân	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	16,500	16	HCV
17	2386	Phạm Huỳnh	Nhật	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	15,500	17	HCB
18	2390	Tạ Vĩnh	Phúc	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	15,500	17	HCB
19	1093	Nguyễn Du	Lịch	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	13,500	19	HCB
20	2376	Cao Nguyệt	Minh	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	12,000	20	HCB
21	1084	Lê Trần Hữu	Đắc	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	12,000	20	HCB
22	1107	Nguyễn Khắc Minh	Quân	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	11,000	22	HCB
23	2400	Nguyễn Đức	Thắng	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	11,000	22	HCB
24	1121	Huỳnh Ngọc	Tú	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	11,000	22	HCB
25	1120	Nguyễn Thanh	Trung	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	10,000	25	HCB
26	2371	Chu Nguyên	Linh	Chuyên Bình Long	Bình Phước	10,000	25	HCB
27	1092	Nguyễn Hồng	Khoa	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	10,000	25	HCB
28	2363	Huỳnh Ngô Trường	Đạt	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	10,000	25	HCB
29	2395	Au Dương Tấn	Sang	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	10,000	25	HCB
30	2403	Hồ Đình	Tiến	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	9,500	30	HCB
31	2370	Trần Đức	Huy	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	9,500	30	HCB
32	1079	Tống Xuân	Bảo	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	9,500	30	HCB
33	2397	Lưu Chí	Tâm	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	9,000	33	HCB
34	1125	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	9,000	33	HCB
35	1123	Thân Trọng	Tùng	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	8,000	35	HCB
36	1114	Nguyễn Gia	Thuận	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	8,000	35	HCB
37	2361	Huỳnh Văn	Duy	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	8,000	35	HCB
38	1081	Võ Thị	Diệu	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	7,500	38	HCD
39	1096	Đào Thị Minh	Lý	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	7,500	38	HCD
40	1088	Trần Thanh	Hùng	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	7,000	40	HCD
41	2615	Phùng Văn	Phát	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	7,000	40	HCD
42	2369	Đỗ Hồng	Huân	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	7,000	40	HCD
43	1101	Lê Minh	Nhật	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	7,000	40	HCD
44	2375	Huỳnh Công	Minh	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	7,000	40	HCD
45	1109	Đặng Tấn	Tài	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	6,500	45	HCD
46	2356	Lê Nguyễn Đức	Anh	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	6,500	45	HCD
47	1098	Đặng Viết Khôi	Nguyễn	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	6,500	45	HCD

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Tin

Thang Điểm

30

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
48	1086	Nguyễn Việt	Hằng	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	6,000	48	HCD
49	1126	Lê Quang	Vũ	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	6,000	48	HCD
50	2404	Đào Công	Tính	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	6,000	48	HCD
51	1091	Nguyễn Phúc	Khang	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	6,000	48	HCD
52	2389	Nguyễn Anh Hoàng	Phúc	Chuyên Long An	Long An	5,500	52	HCD
53	2364	Nguyễn Dương Minh	Đạt	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	5,500	52	HCD
54	2357	Huỳnh Trầm Bảo	Chấn	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	5,500	52	HCD
55	2401	Châu Thiên	Thanh	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	5,000	55	HCD
56	2381	Huỳnh Hiếu	Nghĩa	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	5,000	55	HCD
57	1110	Nguyễn Đình	Thắng	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	5,000	55	HCD
58	1112	Lê Đức	Thịnh	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	4,000	58	
59	2616	Nguyễn Trần Như	Phương	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	4,000	58	
60	1082	Trần Viết	Dự	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	4,000	58	
61	1115	Lê Ngọc Thuỷ	Tiên	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	3,500	61	
62	1099	Nguyễn Lê	Nguyên	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	3,500	61	
63	2358	Nguyễn Huỳnh Phước	Duy	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	3,500	61	
64	1094	Danh Phi	Long	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	3,500	61	
65	2387	Nguyễn Huỳnh Thảo	Nhi	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	3,000	65	
66	1095	Trần Hữu Thiên	Lương	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	3,000	65	
67	1102	Nguyễn Phương	Nhi	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	3,000	65	
68	1118	Nguyễn Thanh	Tinh	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	2,500	68	
69	2379	Huỳnh Vĩnh	Nghi	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	2,500	68	
70	2360	Danh Đức Khánh	Duy	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	2,000	70	
71	2391	Trần Vĩnh	Phúc	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	2,000	70	
72	2396	Nguyễn Ngọc	Tài	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	2,000	70	
73	2372	Nguyễn Thị Trúc	Ly	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	2,000	70	
74	2355	Lý Hồng Thiên	Ân	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	2,000	70	
75	2405	Nguyễn Hữu	Trí	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	1,500	75	
76	2410	Nguyễn Hữu	Vinh	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	1,000	76	
77	1111	Phương Tấn	Thành	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	1,000	76	
78	1116	Nguyễn Hữu	Tiến	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	1,000	76	
79	2399	Nguyễn Trọng	Thắng	THPT Hùng Vương	Bình Phước	1,000	76	
80	2368	Nguyễn Thái	Học	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	1,000	76	
81	2393	Vũ Minh	Quân	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	1,000	76	
82	2398	Ngô Hoàng	Thái	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	1,000	76	
83	2388	Võ Trung	Thành	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	1,000	76	
84	1106	Võ Minh	Phụng	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	1,000	76	
85	2359	Nguyễn Hiền Tuấn	Duy	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	1,000	76	
86	1100	Huỳnh Trần Triết	Nhân	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	1,000	76	
87	2362	Nguyễn Quốc	Đại	THPT Hùng Vương	Bình Phước	1,000	76	
88	2614	Nguyễn Xuân	Huy	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	1,000	76	
89	2380	Bùi Hiếu	Nghĩa	THPT Gia Định	TP.HCM	1,000	76	
90	1103	Trần Quỳnh Khả	Như	Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	1,000	76	
91	2408	Lê Nguyễn Nhựt	Trường	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	0,500	91	
92	1105	Trần Hữu	Phát	Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	0,000	92	
93	1108	Võ Quang	Sơn	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	0,000	92	
94	2385	Đoàn Đức	Nguyên	PT Năng Khiếu	TP.HCM	0,000	92	

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Tin

Thang Điểm

30

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
95	2378	Lý Thành	Nam	THPT Long Xuyên	An Giang	0,000	92	
96	2377	Võ Thị Diễm	My	THPT Long Xuyên	An Giang	0,000	92	
97	2366	Nguyễn Thị Như	Hảo	THPT Hùng Vương	Bình Phước	0,000	92	
98	2374	Trần Thị Nguyệt	Minh	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	0,000	92	
99	2373	Đặng Lê Công	Minh	Chuyên Long An	Long An	0,000	92	
100	2382	Võ Ngọc Duy	Nghiêm	Chuyên Long An	Long An	0,000	92	
101	2383	Nguyễn Thành	Nguyên	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	0,000	92	
102	1083	Võ Thị Ánh	Dương	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	0,000	92	
103	2411	Võ Thượng Quang	Vinh	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	0,000	92	
104	1113	Nguyễn Hoàng	Thông	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	0,000	92	
105	2392	Bùi Nguyên	Phúc	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	0,000	92	
106	2407	Trần Nam	Trung	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	0,000	92	
107	1087	Ngô Tùng	Hoàng	Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	0,000	92	
108	1119	Võ Ngọc Hải	Trần	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	0,000	92	
109	1085	Võ Nguyên	Giáp	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	0,000	92	
110	2409	Đàm Nguyễn Trung	Trường	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	0,000	92	
111	2412	Phạm Hữu	Vinh	Chuyên Bình Long	Bình Phước	0,000	92	
112	1117	Trần Duy	Tiến	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	0,000	92	
113	2384	Nguyễn Quách	Nguyên	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	0,000	92	